

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG SẢN HÀNG HÓA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Trần Thị Lý, Hoàng Ninh Chi

(Khoa Kinh tế - Tài chính, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TÓM TẮT

Phát triển sản xuất nông sản hàng hóa tại huyện Lạng Giang những năm qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực như tăng trưởng mạnh về quy mô sản xuất, phát triển liên kết hợp tác, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ... Tuy nhiên, mức độ phát triển còn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng. Bài viết trình bày kết quả phát triển sản xuất nông sản hàng hóa của huyện, chỉ ra những hạn chế tồn tại, sản xuất nông sản hàng hóa chủ yếu dựa vào hộ nông dân, quy mô đất đai nhỏ, manh mún, sự tham gia của các doanh nghiệp, hợp tác xã còn quá nhỏ, chưa có sự gắn kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ... Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông sản hàng hóa trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới.

Từ khóa: Hàng hóa, nông sản, phát triển sản xuất.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây vấn đề phát triển sản xuất nông sản hàng hóa được nhiều địa phương trong cả nước coi là giải pháp quan trọng giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người nông dân, ổn định kinh tế - xã hội khu vực nông thôn và góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Lạng Giang là một huyện trung du nằm ở phía Bắc của tỉnh Bắc Giang, cách trung tâm Thành phố Bắc Giang 10 km. Điều kiện đất đai, khí hậu, cơ sở hạ tầng của huyện khá thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp. Thời gian qua toàn huyện đã nỗ lực xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung với khối lượng lớn chất lượng cao, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và hàng tiêu dùng, đã hình thành các vùng chuyên canh rau, màu, và chăn nuôi tập trung ở nhiều xã trong huyện, bước đầu tạo ra sản phẩm hàng hoá và mang lại thu nhập cho người nông dân. Cụ thể huyện đã triển khai sản xuất được 5.205 tấn nguyên liệu nầm với doanh thu 24,2 tỷ đồng; gieo cấy được 3.050 ha lúa chất lượng; trồng được 373 ha rau chế biến... đem lại doanh thu bình quân khoảng 170 - 175 triệu đồng/ha/vụ (UBND huyện Lạng Giang, 2021). Tuy nhiên, việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá còn chậm, các mô hình canh tác tiên tiến chưa được triển khai diện rộng, sản xuất nông sản hàng hoá chủ yếu dựa vào hộ nông dân, quy mô đất đai nhỏ, manh mún, sự tham gia của các doanh nghiệp, hợp tác xã còn quá nhỏ, chưa có sự

gắn kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ, sản xuất nông nghiệp hay gặp rủi ro, thiên tai, dịch bệnh nên hiệu quả chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của vùng. Để thực hiện thành công “Chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025” thì việc phân tích các kết quả đạt được và chỉ ra những hạn chế tồn tại trong sản xuất nông nghiệp hàng hoá giai đoạn 2018 - 2020, từ đó đề xuất giải pháp đẩy mạnh phát triển sản xuất nông sản hàng hoá trên địa bàn huyện Lạng Giang là thực sự cần thiết.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Kết quả phát triển sản xuất nông sản hàng hoá trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018 - 2020.

- Hạn chế tồn tại trong phát triển sản xuất nông sản hàng hoá trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đề xuất các giải pháp đẩy mạnh phát triển sản xuất nông sản hàng hoá của huyện Lạng Giang trong thời gian tới.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp thu thập số liệu

- Tài liệu thứ cấp được thu thập từ luận văn, các chương trình, kế hoạch sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của huyện Lạng Giang các năm 2018, 2019, 2020, 2021.

- Số liệu thống kê do Chi cục Thống kê huyện Lạng Giang cung cấp.

2.2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Sử dụng hai phương pháp, phương pháp thống kê mô tả và phương pháp thống kê so sánh để làm rõ các kết quả đã đạt được và những tồn tại hạn chế về phát triển sản xuất nông sản hàng hóa trong các năm tại huyện Lạng Giang.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả phát triển sản xuất nông sản hàng hóa trên địa bàn huyện Lạng Giang

3.1.1. Tăng trưởng về quy mô sản xuất nông sản hàng hóa

Huyện Lạng Giang đã thực hiện nhiều biện pháp quan trọng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hóa như quy hoạch vùng sản xuất tập trung, tích cực chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng vật nuôi, đồn điền đồi thửa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất, phát triển kinh tế trang trại. Toàn huyện có 45 mô hình trang trại đem lại hiệu quả cao, trong đó có 35 trang trại chăn nuôi, 9 trang trại trồng cây ăn quả, 1 trang trại nuôi trồng thủy sản (UBND huyện Lạng Giang 2020). Việc thực hiện các giải pháp trên góp phần tăng trưởng mạnh về khối lượng, giá trị và tỷ trọng hàng hóa các sản phẩm nông nghiệp chủ chốt của huyện.

Về trồng trọt, sản xuất lúa chất lượng, dưa chuột nhật và cà chua bi là 3 mặt hàng có khối

lượng sản phẩm lớn và phát triển tương đối ổn định với khối lượng sản phẩm hàng hóa bình quân tăng lên 120,8% qua 3 năm tạo được vùng nguyên liệu lớn cho nhà máy chế biến, doanh nghiệp tiêu thụ xuất khẩu với quy mô lớn. Do có sự quan tâm chỉ đạo của các cơ quan chuyên môn và UBND các cấp, các loại cây trồng chính trên được huyện nghiên cứu kỹ đặc điểm sinh trưởng, thị trường đầu ra và được thử nghiệm trước ở dạng mô hình trình diễn sau đó mới nhân ra diện rộng như mô hình liên kết sản xuất lúa hữu cơ bằng giống mới, chất lượng cao trên địa bàn xã Tiên Lục, Tân Hưng; mô hình trồng nấm rơm tại xã Tiên Lục, cà chua bi tại xã Quang Thịnh, dưa chuột nhật tại xã Xuân Hương, Tân Dĩnh, nên khi đưa vào sản xuất đại trà đã phát huy được hiệu quả kinh tế rất cao, được nông dân hưởng ứng và mở rộng diện tích gieo trồng. Các sản phẩm này đã được các Công ty chế biến nông sản thực phẩm bao tiêu nên tỷ suất nông sản hàng hóa của huyện ngày càng tăng (cà chua bi tỷ trọng hàng hóa bình quân gần 96%, dưa chuột bao tử trên 92% tương đương hầu hết lượng cà chua bi và dưa chuột bao tử được sản xuất ra được đưa vào thị trường tiêu thụ góp phần làm tăng giá trị sản phẩm nông sản hàng hóa của địa phương (năm 2020 là 221.634,73 triệu đồng, tăng 24% so với năm 2019; tốc độ tăng bình quân của 3 năm là 31,65%).

Bảng 1. Khối lượng sản phẩm nông sản hàng hóa của huyện Lạng Giang

Đơn vị tính: Tấn

TT	Diễn giải	ĐVT	Năm			So sánh (%)		
			2018	2019	2020	19/18	20/19	BQ
1	Ngành trồng trọt		18.801,7	23.614,2	27.396,4	125,6	116,0	120,8
+	Lúa chất lượng	Tấn	4.536,1	6.761,9	8.207,4	149,1	121,4	135,25
+	Dưa chuột nhật	Tấn	4.156,9	4.627	5.421,4	111,3	117,2	114,25
+	Cà chua bi	Tấn	5.031,4	5.893	6.508,9	117,1	110,5	113,80
2	Ngành chăn nuôi		12.013,1	12.682,4	13.184,9	105,6	103,9	105,3
+	Lợn thịt	Tấn	8.039,14	8.564,4	8.748,8	106,5	102,2	104,3
+	Gà thịt	Tấn	1.604,9	1.735,6	1.814,4	108,1	104,5	106,3

Nguồn: Chi cục Thống kê và phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Lạng Giang (2020)

Về chăn nuôi: trong những năm qua do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh (Cuối năm 2018 dịch cúm H5N1, năm 2019 dịch tả lợn Châu Phi, năm 2020 dịch Covid 19) lợn, gà chết hàng loạt

phải tiêu hủy, lưu thông hàng hóa bị đình trệ, kinh tế lạm phát, giá thức ăn chăn nuôi tăng cao ngành chăn nuôi bị ảnh hưởng nên khối lượng ngành chăn nuôi với hai sản phẩm chủ chốt là

lợn thịt và gà thịt tăng nhẹ qua các năm về cả hàng hóa và tỷ suất nông sản hàng hóa. khối lượng nông sản hàng hóa, giá trị nông sản

Bảng 2. Tỷ suất nông sản hàng hóa huyện Lạng Giang 2018 - 2020

TT	Diễn giải	ĐVT: %			
		2018	2019	2020	BQ
1	Ngành trồng trọt				
+	Lúa chất lượng	69,2	70,4	72,6	72,07
+	Dưa chuột nhật	91,4	92,8	93,2	92,47
+	Cà chua bi	95,6	95,8	96,3	95,90
2	Ngành chăn nuôi				
+	Lợn thịt	76,4	77,2	78,6	77,40
+	Gà thịt	77,8	78,3	79,7	78,57

Nguồn: Chi cục Thống kê và phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Lạng Giang (2020)

Năm 2018 khối lượng nông sản hàng hóa là 12.013,1 tấn, năm 2019 là 12.682,4 tấn, năm 2020 là 13.184,9 tấn, bình quân trong 3 tăng 105,3%. So với ngành trồng trọt thì ngành chăn nuôi còn đang mất cân đối, tỷ trọng đóng góp của ngành chăn nuôi còn đang thấp. Điều đó cũng được thể hiện thông qua tỷ suất nông sản hàng hóa ngành chăn nuôi trung bình chỉ đạt 77,4% đối với mặt hàng lợn thịt và 78,57% đối với gà thịt; giá trị nông sản hàng hóa trung bình trong 3 năm tăng 106,6% trong khi ngành trồng trọt trung bình trong 3 năm tăng 131,6%.

Bảng 3. Giá trị nông sản hàng hóa huyện Lạng Giang từ năm 2018 -2020

TT	Diễn giải	Năm			So sánh (%)		
		2018	2019	2020	19/18	20/19	BQ
	Giá trị SPHH	656.859,74	733.471,66	822.627,43	111,7	112,2	111,9
1.	Ngành trồng trọt	128.353,74	178.744,06	221.634,73	139,2	123,9	131,6
+	Lúa chất lượng	31.752,7	48.685,7	61.555,5	153,3	126,4	139,85
+	Dưa chuột nhật	11.639,32	13.649,65	17.348,48	117,3	127,1	122,20
+	Cà chua bi	19.119,32	24.750,6	29.290,05	129,5	118,3	123,90
2.	Ngành chăn nuôi	528.506,0	554.727,6	600.992,7	104,9	108,3	106,6
+	Lợn thịt	329.604,9	342.575,9	363.075,9	103,9	106,0	105,0
+	Gà thịt	86.670,3	95.458,7	109.769,9	110,1	115,0	112,6

Nguồn: Chi cục Thống kê và phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Lạng Giang (2020)

3.1.2. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất

Ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp cần vốn đầu tư cao nên đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị. Thực hiện Nghị quyết của Ban thường vụ tỉnh Bắc Giang về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, huyện Lạng Giang cũng đang tập trung nguồn lực, xây dựng các mô hình điểm nhằm tạo bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp. Các

mô hình xây dựng cần thành lập HTX, hình thành chuỗi sản xuất có quy trình sản xuất chung để có sản phẩm đồng đều, tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm. Huyện Lạng Giang có các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như mô hình rau, nấm trồng trong nhà lưới, mô hình rau thủy canh, tưới nhỏ giọt, mô hình nuôi lợn sạch, lợn hữu cơ với chuồng trại kín, hiện đại... Huyện có cơ chế hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các

mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (đã hỗ trợ xây dựng 17 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng được 07 sản phẩm OCOP 03 sao, mang lại hiệu quả kinh tế cao (rau chế biến, nấm, nấm đông trùng hạ thảo, bưởi...) (UBND huyện Lạng Giang 2020).

3.1.3. Tình hình phát triển liên kết trong sản xuất

Sản xuất nông nghiệp hàng hóa không thể thiếu liên kết, vì liên kết là “sức mạnh” và trở thành yêu cầu tất yếu. Khi có sự liên kết hợp tác tốt mới thúc đẩy sản xuất phát triển. Phong trào liên kết hợp tác các tổ đội sản xuất nông sản hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Số lượng tổ hợp tác (THT) và hợp tác xã (HTX) tăng lên từng năm. Tính đến 15/6/2022 thành lập được 94 THT vượt 23,6% kế hoạch (năm 2021 thành lập được 69 THT, 6 tháng đầu năm 25 THT), thành lập được 44 HTX vượt 15,7% kế hoạch (năm 2021 thành lập 32 HTX, 6 tháng đầu năm 12 HTX) nâng tổng số toàn tỉnh có 285 THT, và 92 HTX. Trong đó Lạng Giang là một trong những huyện tiêu biểu trong thành lập THT và HTX, đã có những chuyển biến tích cực, trong 3 năm 2019 - 2021 số lượng các tổ tham gia hợp tác sản xuất tăng bình quân 127,92%, trong đó tỷ trọng và tốc độ tăng mạnh nhất là các xã Dương Đức, Hương Sơn và Mỹ Thái mỗi năm đều tăng thêm một đến hai tổ hợp tác. Số HTX cũng tăng mạnh, đến năm 2021 có 17/88 HTX nông nghiệp chiếm trên 19,3% số hợp tác xã trong toàn tỉnh (UBND huyện Lạng Giang 2021). Các THT và HTX phát huy được vai trò của mình trong tập hợp, thay đổi cách nghĩ, cách làm cho bà con nông dân, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đặc biệt thực hiện tốt việc liên doanh, liên kết các hộ nông dân với nhau để chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang phát triển sản xuất hàng hóa tập trung với quy mô lớn, hiệu quả cao. Cụ thể, HTX không những tổ chức cung ứng một số dịch vụ đầu vào cho sản xuất của các hộ thành viên mà còn liên kết tiêu thụ sản phẩm, tổ chức tiêu thụ sản phẩm hoặc trực tiếp làm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm, giúp người sản xuất nhỏ tránh được tình trạng bị ép giá.

3.1.4. Thị trường tiêu thụ

Nông sản hàng hóa của huyện chủ yếu được tiêu thụ qua kênh gián tiếp (chiếm khoảng 60%) các thương lái đến tận vườn, trại thu mua sản

phẩm và đưa đi tiêu thụ trên thị trường, hình thức bán nông sản cho tư thương là phổ biến nhất, số còn lại được đem ra chợ bán hoặc bán trực tiếp cho các nhà hàng, chỉ một số sản phẩm như: Thuốc lá, dưa chuột bao tử, cà chua bi mới được bán cho các công ty, cơ sở chế biến nông sản trên địa bàn. Đa số các hộ nông dân hiện nay còn gặp nhiều khó khăn như thiếu thông tin thị trường, thiếu khoa học kỹ thuật do đó việc phát triển nông sản hàng hóa còn mang tính tự phát, nông sản hiện nay chủ yếu vẫn tiêu thụ tại chỗ do các thương lái đến hộ thu mua không hề có hợp đồng mua bán (hầu hết đôi bên hợp đồng miệng) nên rất dễ bị ép giá, số hộ trực tiếp tiêu thụ hàng hóa sang các huyện, các tỉnh khác rất ít. Các doanh nghiệp thu mua nông sản họ chỉ thu mua nông sản hoặc bán giống, phân bón cho các hộ, trang trại. Các doanh nghiệp này không có sự hướng dẫn nông dân sản xuất nông sản hàng hóa.

3.2. Hạn chế tồn tại trong phát triển sản xuất nông sản hàng hóa tại huyện Lạng Giang

Bên cạnh những kết quả đạt được trên, sản xuất nông sản hàng hóa trên địa bàn huyện Lạng Giang vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

Một là, sản xuất nông nghiệp chưa căn cứ trên nhu cầu thị trường, đây là điểm rất yếu của nông dân hiện nay nói chung và của nông dân huyện Lạng Giang nói riêng, mỗi vùng mỗi địa phương cần định hướng quy hoạch vùng sản xuất và nông dân cần tôn trọng quy hoạch đó vì nó được tính toán trên cơ sở khoa học để khai thác được lợi thế và thế mạnh của mỗi địa phương.

Hai là, khó khăn về vốn. Tổng số vốn bình quân của hộ là 50,3 triệu đồng/hộ/năm, trong đó vốn tự có chiếm tỷ trọng 79,8%. Để thực hiện sản xuất nông sản hàng hóa thì số vốn trên là rất hạn chế. Thiếu hụt vốn đầu tư đang là rào cản quan trọng trong phát triển sản xuất nông sản hàng hóa, cần vốn để đầu tư trung và dài hạn về cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất. ứng dụng công nghệ cao... nhưng việc tiếp cận vốn vay ngân hàng người nông dân còn ngại vì nhiều thủ tục và phải thế chấp nên họ chấp nhận vay ngoài với lãi suất cao hơn lãi vay ngân hàng.

Ba là, sản phẩm nông sản hàng hóa chưa đa dạng, chất lượng chưa cao, mẫu mã chưa đẹp, sức cạnh tranh của sản phẩm thấp, quy mô thị trường hàng hóa còn hẹp, bấp bênh, nông sản hàng hóa

của huyện chủ yếu được bán cho tư thương.

Bốn là, sự kết nối sản xuất với các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, các đô thị, thành phố lớn chưa nhiều. Hệ thống thông tin ứng dụng vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp còn hạn chế nhất là trong phát triển thương mại điện tử.

Năm là, đất đai vẫn còn manh mún nhỏ lẻ, sản xuất còn phân tán, tự phát cản trở lớn cho ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nông sản hàng hóa, cần phải có đất đai quy mô lớn, vị trí thuận lợi cho sản xuất và lưu thông để ứng dụng công nghệ cao, xây dựng những cánh đồng mẫu cho thu nhập cao.

Sáu là, Sản xuất chủ yếu dựa vào hộ nông dân với nhận thức và trình độ thấp (trình độ học vấn hết cấp 3 tương đối thấp chiếm 26,67% , chỉ có 8,2% số chủ hộ đã tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển sản xuất nông sản hàng hóa. Trên thực tế hiện nay còn một số chủ hộ nhận thức còn rất hạn chế, sản xuất theo lối mòn, truyền thống, không tiếp thu cái mới, cái tiến bộ, các hộ này phần lớn là các hộ sản xuất quy mô nhỏ và có điều kiện kinh tế khó khăn

Bảy là, điều kiện hạ tầng phục vụ sản xuất nông sản hàng hóa còn yếu. Còn nhiều tuyến đường giao thông ở các xã, tuyến đường liên thôn và đặc biệt là đường nội đồng đang xuống cấp trầm trọng hoặc chưa được đầu tư để đảm bảo cho sản xuất và lưu thông hàng hóa nông sản được thuận lợi, hệ thống thủy lợi đang bị xuống cấp chưa đảm bảo chủ động tưới tiêu.

3.3. Giải pháp phát triển sản xuất nông sản hàng hóa huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

3.3.1. Thực hiện quy hoạch sản xuất nông sản hàng hóa

- Thực hiện quy hoạch sản xuất hàng hóa ngành trồng trọt

Trong thời gian tới ngoài thâm canh tăng năng suất, chất lượng của các cây trồng chính cần tích cực mở rộng diện tích của các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao như: Rau chế biến, lạc, đậu tương... nhằm tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng xã với tiềm năng, thế mạnh

của từng vùng trên địa bàn, huyện quy hoạch vùng sản xuất cây lương thực gồm các xã chủ yếu sau: Quang Thịnh, Tân Dĩnh, Phi Mô, Tân Hưng, Xương Lâm, Yên Mỹ, An Hà, Nghĩa Hoà và Đào Mỹ. Xây dựng 2 cánh đồng mẫu cho thu nhập cao sản xuất lúa chất lượng tại thôn 4 của xã An Hà có diện tích 30 ha và cánh đồng tại thôn Quang Hiến, xã Quang Thịnh có diện tích 38 ha. Tiếp tục duy trì ổn định diện tích trồng ngô khoảng từ 1.600 - 1.700 ha và tăng cường đưa các giống ngô có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất, tăng diện tích trồng lạc quy hoạch tập trung tại các xã: Tân Hưng, Xương Lâm, Đại Lâm, Xuân Hương, Mỹ Thái. Tăng diện tích trồng cây đậu tương, quy hoạch trồng tập trung ở các xã: Tân Dĩnh, Mỹ Thái, thị trấn Vôi, Xuân Hương, Thái Đào mỗi xã từ 60 - 80 ha. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên cụ thể của các xã, huyện quy hoạch các xã sản xuất rau chế biến là: Quang Thịnh, thị trấn Kép, Hương Sơn, Hương Lạc, Tiên Lục và Tân Hưng mỗi xã từ 70 - 90 ha, trong đó huyện tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng (kênh mương phục vụ tưới tiêu, trạm bơm, đường trục chính nội đồng...) để xây dựng 2 cánh đồng sản xuất rau chế biến tập trung tại 2 xã: Hương Sơn và Tân Hưng, mỗi cánh đồng khoảng 40 ha.

- Thực hiện quy hoạch ngành chăn nuôi

Để thực hiện được mục tiêu nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi cân đối với ngành trồng trọt, cần nâng cao chất lượng đàn giống, nhất là đầu tư cải tạo giống bò địa phương lai tạo với các giống bò ngoại để mang lại hiệu quả cao trong chăn nuôi. Đầu tư xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá theo mô hình công nghiệp và bán công nghiệp lấy hộ gia đình cùng công ty làm nền tảng trên cơ sở áp dụng công nghệ tiên tiến để phát triển hàng hoá theo tiêu chuẩn ISO, tập trung chủ yếu tại các xã: Xuân Hương, Mỹ Thái, Tiên Lục, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hoà, Tân Hưng, Mỹ Hà, Dương Đức, An Hà. Huyện cần đặc biệt chú trọng công tác thú y, phòng chống dịch cúm gia cầm và lở mồm, long móng, dịch tả Châu phi của gia súc. Mặt khác cần gắn chăn nuôi với nhà máy chế biến thức ăn gia súc và khu vực chế biến sản phẩm nông sản.

Về gia cầm, từng bước thay thế việc chăn nuôi nhỏ, lẻ ở các hộ gia đình sang chăn nuôi tập

trung tại các trang trại, gia trại có đủ điều kiện về sinh phòng dịch. Quy hoạch các xã: Hương Sơn, Hương Lạc, Quang Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hòa, An Hà là những xã giáp ranh với huyện Yên Thế vào vùng sản xuất gà đồi Yên Thế.

3.3.2. Đáp ứng đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất của các hộ nông dân

Đẩy mạnh phát triển mạng lưới tín dụng nông thôn, khuyến khích các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay vốn với cơ chế ưu đãi để phát triển sản xuất nông sản. Đưa tín dụng trực tiếp đến tay nông dân thông qua hình thức cho vay qua tổ nhóm, lựa chọn ưu tiên cho vay vốn để sản xuất các sản phẩm có tiềm năng thị trường mà nông dân đang cần vốn đầu tư. Ngoài vốn vay ngắn hạn, cần phải tăng cường nguồn vốn vay dài hạn và trung hạn để giúp các chủ hộ, các chủ trang trại tập trung sản xuất nông sản hàng hoá, yên tâm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao, mở rộng quy mô sản xuất, có thể quay vòng được một vài chu kỳ sản xuất tùy theo loại cây trồng, vật nuôi.

3.3.3. Đẩy mạnh việc chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất

Cần tăng cường áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ, nhất là các thành tựu công nghệ sinh học vào sản xuất, phát huy các lợi thế vốn có và tạo ra những lợi thế mới, cơ hội mới cho phát triển sản xuất nông sản hàng hoá. Để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hoá, cần thực hiện tốt việc tuyển chọn và đưa vào sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, phẩm chất tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương, gắn với nhu cầu đa dạng hoá về sinh học. Chủ động phối hợp với các Trung tâm giống Bắc Giang, các Trường Đại học, Viện nghiên cứu để lai tạo ra những giống có đặc tính di truyền tốt, phù hợp với điều kiện sản xuất của huyện.

3.3.4. Tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hoá

Hình thành hệ thống kênh tiêu thụ nông sản hàng hoá có mối liên kết giữa người sản xuất - đơn vị thu mua, chế biến - bảo quản - tiêu thụ - thị trường. Xây dựng mạng lưới tiêu thụ nông sản hàng hoá rộng khắp, đa dạng loại hình và quy mô, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham

gia. Tiếp tục củng cố và nâng cao vai trò hệ thống thương mại dịch vụ. Hướng dẫn, tạo điều kiện để các hợp tác xã có thể đảm nhiệm dịch vụ đầu ra cho nông sản hàng hoá. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết với nông dân, hợp tác xã nông nghiệp để cung ứng các loại vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn chăn nuôi... giảm bớt các khâu trung gian, hạ giá thành sản phẩm.

Chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản hàng hoá, nhất là các thị trường ngoài tỉnh nhiều tiềm năng như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn; đồng thời chú trọng thị trường xuất khẩu ra nước ngoài, nhất là thị trường Trung Quốc. Phát triển thị trường mới, nghiên cứu xây dựng thương hiệu cho nông sản hàng hoá của địa phương. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá. Tăng cường các hoạt động quảng cáo, tiếp thị trên các phương tiện đại chúng, nhất là trên mạng internet. Phát triển hệ thống đại lý, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, bán buôn, bán lẻ, trưng bày giới thiệu sản phẩm tại các hội trợ triển lãm trên địa bàn. Khuyến khích các xã, các thôn xây dựng các trang điện tử thương mại cá nhân, đồng thời tham gia vào hệ thống thương mại nông sản điện tử chung của cả nước nhằm quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm.

3.3.5. Đẩy mạnh việc dồn điền đổi thửa và tích tụ ruộng đất

Một trong những nguyên nhân cản trở quá trình dồn điền đổi thửa chính là do người nông dân không muốn nhận ruộng xấu, ruộng xa do điều kiện kết cấu hạ tầng nội đồng của các địa phương còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến sản xuất của nông dân, nhất là những ngày đầu và cuối vụ khi nhu cầu thủy lợi, nhu cầu vận chuyển, đi lại tăng lên hoặc những lúc thời tiết bất lợi như: Nắng nóng kéo dài cần nước tưới, lúc mưa bão cần được thoát nước nhanh. Do đó, xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho người nông dân sản xuất là cách tốt nhất để rút ngắn cự ly, giảm bớt công sức, chi phí của người nông dân, đồng thời đẩy nhanh tiến độ dồn điền, đổi thửa. Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể trong sử dụng từng loại đất phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi để có phương án dồn điền, đổi

thừa khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn và được nông dân đồng thuận.

3.3.6. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân

Tuyên truyền tới mọi người dân nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi dần tư duy tiểu nông, chuyển sang phương thức sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hiện đại và bền vững. Phát huy vai trò các cơ sở giáo dục, đào tạo, các cơ sở dạy nghề trên địa bàn huyện, tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng lao động nông nghiệp. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ hợp tác xã, chú trọng vào kỹ năng xây dựng phương án sản xuất hiệu quả, nghiệp vụ tổ chức, quản lý, kế hoạch, tài chính, phương pháp tiếp cận thị trường, tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản. Phát huy tính năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp. Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp thông qua liên kết, hợp tác với các thành phần kinh tế khác, ứng dụng khoa học và công nghệ vào các hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và vị thế của hợp tác xã nông nghiệp.

3.3.7. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp

Cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống bao gồm: Hệ thống đường giao thông; các hồ chứa nước, hệ thống mương máng tưới tiêu; mạng lưới và trang thiết bị thông tin, tuyên truyền tiếp thị; các máy móc, trang thiết bị kỹ thuật trong sản xuất, chế biến, bảo quản, lưu thông; các trung tâm thương mại, hệ thống chợ nông thôn... Để đảm bảo cơ sở hạ tầng phục vụ tốt cho phát triển sản xuất nông nghiệp cần củng cố hóa kênh mương, đầu tư nâng cấp cải tạo các trạm bơm phục vụ tưới tiêu cho các xã có địa hình cao thường xuyên khó khăn về nước tưới, hàng năm huyện cần có kế hoạch kiểm tra đánh giá thực trạng hệ thống công trình

thuỷ lợi trên địa bàn để củng cố hệ thống thuỷ lợi, phát hiện xử lý các tình huống kịp thời, chủ động phòng chống úng, hạn, lụt, bão. Nâng cao năng lực hoạt động hệ thống thuỷ lợi phục vụ theo hướng đa mục tiêu phục vụ sản xuất. Đầu tư nâng cấp một số tuyến đường liên xã, tu bổ một số tuyến đê trọng yếu và cứng hóa các trục chính nội đồng để thuận lợi cho hoạt động sản xuất của người dân tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị bao tiêu đến thu mua nông sản.

4. KẾT LUẬN

Trên địa bàn huyện Lạng Giang, hộ là chủ thể chính trong sản xuất nông sản hàng hóa. Các nông sản hàng hóa của hộ sản xuất ra tương đối đa dạng và số lượng cũng tăng dần qua các năm. Sản phẩm nông sản hàng hóa mũi nhọn của huyện là: Lúa chất lượng, dưa chuột nhạt, cà chua bi, lợn thịt, gà thịt. Với định hướng và mục tiêu phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, sản xuất nông nghiệp của huyện đã có bước tiến mạnh mẽ, tăng trưởng mạnh về quy mô sản xuất, phát triển liên kết hợp tác, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao thu nhập cho người nông dân. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển sản xuất nông sản hàng hóa còn tồn tại một số hạn chế. Để khắc phục những tồn tại hạn chế và đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển sản xuất nông sản hàng hóa, thời gian tới cần tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau: (1) giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện quy hoạch sản xuất nông sản hàng hóa; (2) giải pháp về vốn cho sản xuất của các hộ nông dân; (3) giải pháp liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản hàng hóa; (4) giải pháp đẩy mạnh việc chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; (5) giải pháp đẩy mạnh việc dồn điền đổi thửa và tích tụ ruộng đất; (6) giải pháp nâng cao nhận thức cho người dân; (7) giải pháp đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi cục Thống kê huyện Lạng Giang (2018, 2019, 2020, 2021). *Niên giám Thống kê*, Lạng Giang.
2. Huyện ủy Lạng Giang (2021). *Chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*.
3. Nguyễn Đình Lâm (2021). *Phát triển sản xuất nông sản hàng hóa trên địa bàn huyện Lạng Giang tỉnh Bắc Giang*. Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.
4. UBND huyện Lạng Giang (2021). *Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*.
5. UBND huyện Lạng Giang (2018, 2019, 2020, 2021). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội huyện Lạng Giang nhiệm vụ và giải pháp*.

SOLUTIONS FOR DEVELOPING COMMERCIAL PRODUCTION OF AGRICULTURAL PRODUCTS IN LANG GIANG DISTRICT, BAC GIANG PROVINCE

Tran Thi Ly, Hoang Ninh Chi

(Economics & Finance Faculty of Bac Giang Agriculture and Forestry University)

SUMMARY

The development of commodity agricultural production in Lang Giang district in recent years has achieved many positive results, but the level of development is still not commensurate with the potential and strengths of the region. The article presents the current situation of development of agricultural commodity production in the district, pointing out the limitations and shortcomings such as: The production of commodity agricultural products is mainly based on farmer households, the land scale is small and fragmented, the participation of enterprises and cooperatives is still too small, there is no link between production, processing and consumption.... From that, the article proposes some solutions for developing commercial production of agricultural products in Lang Giang district, Bac Giang province in the near future.

Keywords: Agricultural products, commercial production, development of production.

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Dương Nga

Ngày nhận bài: 14/7/2022

Ngày phản biện: 12/8/2022

Ngày quyết định đăng: 21/9/2022